

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **37/2016/QĐ-UBND**

Bình Định, ngày **15** tháng **7** năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 655/TTr-SKH-CN ngày 28/6/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/7/2016 và thay thế Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 02/8/2007 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K20. *ru*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Châu*  
**Trần Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ  
QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **37** /2016/QĐ-UBND  
ngày **15** / **7** /2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh (cấp 100% hoặc hỗ trợ một phần kinh phí).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện).
2. Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Nhiệm vụ KH&CN* là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài nghiên cứu KH&CN (gọi tắt là đề tài), đề án khoa học (gọi tắt là đề án), dự án sản xuất thử nghiệm (gọi tắt là dự án SXTN), dự án KH&CN (gọi tắt là dự án), chương trình KH&CN (gọi tắt là chương trình) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc ủy quyền Giám đốc Sở KH&CN) ra quyết định phê duyệt.

2. *Đề tài KH&CN* là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. *Đề án khoa học* là nhiệm vụ KH&CN nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

4. *Dự án sản xuất thử nghiệm* là nhiệm vụ KH&CN nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ

nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

5. *Dự án KH&CN* là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư KH&CN có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

6. *Chương trình KH&CN* là nhiệm vụ KH&CN có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ phát triển và ứng dụng KH&CN trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KH&CN.

7. *Nhiệm vụ KH&CN tiềm năng* là đề tài KH&CN, dự án KH&CN tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề KH&CN đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm của tỉnh.

8. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là các yêu cầu đặt ra cho KH&CN dưới dạng nhiệm vụ KH&CN nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển KH&CN cho các ngành, địa phương do các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp đề xuất với UBND tỉnh (thông qua Sở KH&CN) để đặt hàng các tổ chức và cá nhân thực hiện.

9. *Nhiệm vụ KH&CN đặt hàng* là đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án KH&CN hoặc chương trình có tên gọi và các mục thể hiện yêu cầu cơ bản đối với nhiệm vụ KH&CN làm căn cứ để UBND tỉnh đặt hàng cho các tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

10. *Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN* là việc bên đặt hàng đưa ra yêu cầu về sản phẩm KH&CN, cung cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN tạo ra sản phẩm KH&CN.

11. *Tổ chức KH&CN* là tổ chức có chức năng chủ yếu nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ KH&CN, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

12. *Cá nhân hoạt động KH&CN* là người thực hiện hoạt động KH&CN.

13. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quyết định này.

14. *Giao trực tiếp* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền.

15. *Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN* là văn bản pháp lý được ký kết giữa Sở KH&CN với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

(sau đây gọi tắt là Hợp đồng); mẫu hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10/4/2014 của Bộ KH&CN.

16. *Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN* là quá trình thẩm định, nhận định các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN so với toàn bộ nội dung của Hợp đồng và các tài liệu pháp lý liên quan khác khi kết thúc Hợp đồng.

#### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng Quy chế**

1. Quy chế này áp dụng cho việc quản lý và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp huyện sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN có thể tham khảo quy chế này để xây dựng quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp điều kiện địa phương.

3. Đối với nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 5. Mã số đề tài KH&CN**

Đề tài KH&CN được ghi theo nhóm ký hiệu sau: XX - YY - ZZZZ, giữa các nhóm ký hiệu là dấu gạch ngang, trong đó:

1. Ký hiệu XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của đề tài theo số thứ tự được ghi trong Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ KH&CN của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm kế hoạch (trường hợp có nhiều Quyết định thì ghi số liên tiếp tiếp theo).

2. Ký hiệu YY là nhóm 2 chữ số ghi theo chỉ số phân loại lĩnh vực KH&CN

- |                                                                  |    |
|------------------------------------------------------------------|----|
| a) Khoa học tự nhiên:                                            | 01 |
| b) Khoa học kỹ thuật và công nghệ:                               | 02 |
| c) Khoa học nông nghiệp (bao gồm nông - lâm nghiệp và thủy sản): | 03 |
| d) Khoa học y dược:                                              | 04 |
| đ) Khoa học xã hội và nhân văn:                                  | 05 |

3. Ký hiệu ZZZZ là nhóm 4 chữ số ghi năm thực hiện đề tài (năm bắt đầu thực hiện theo Hợp đồng đã được ký kết giữa Sở KH&CN với cơ quan chủ trì).

#### **Điều 6. Điều kiện để tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì phải có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực KH&CN của đề tài, đủ điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật và đã đăng ký hoạt động KH&CN theo Điều 6 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN. Mỗi tổ chức được phép đồng thời chủ trì nhiều đề tài phù hợp với lĩnh vực hoạt động của mình.

2. Cá nhân làm chủ nhiệm đề tài phải có chuyên môn cùng lĩnh vực KH&CN mà mình đăng ký. Mỗi cá nhân chỉ được tham gia làm chủ nhiệm cho một đề tài trong năm kế hoạch. Mỗi đề tài trong trường hợp đặc biệt có thể tối đa 2 đồng chủ nhiệm.

3. Các tổ chức, cá nhân không được tham gia chủ trì nhiệm vụ KH&CN nếu vi phạm các quy định sau:

a) Chưa nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN quá hạn, chưa nộp đủ kinh phí thu hồi của nhiệm vụ KH&CN (nếu có);

b) Trường hợp nhiệm vụ KH&CN đánh giá xếp loại ‘không đạt’ do hồ sơ tài liệu không trung thực, sao chép kết quả nghiên cứu của người khác trái quy định pháp luật thì cá nhân làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trong thời hạn 03 năm tiếp theo và bị xử lý về vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN.

### **Điều 7. Căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng**

1. Định hướng phát triển KH&CN; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kế hoạch phát triển của ngành.
2. Các yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước của tỉnh.
3. Theo nhu cầu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong tỉnh.
4. Từ các nội dung hợp tác về KH&CN trong nước và quốc tế.

### **Điều 8. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng**

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.
2. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ KH&CN cụ thể sau đây:
  - a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
  - b) Giải quyết các vấn đề KH&CN trong phạm vi tỉnh;
  - c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh.

### **Điều 9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ KH&CN gồm có:
  - a) Nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước;
  - b) Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/bộ;
  - c) Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.
2. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh  
 Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do UBND tỉnh (hoặc ủy quyền Sở KH&CN) phê duyệt nội dung và kinh phí và giao Sở KH&CN ký kết hợp đồng thực hiện, bao gồm:
  - a) Chương trình KH&CN;
  - b) Đề án khoa học;
  - c) Đề tài KH&CN;
  - d) Dự án sản xuất thử nghiệm;
  - đ) Dự án KH&CN;
  - e) Đề tài KH&CN, dự án KH&CN tiềm năng của tỉnh.
3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
  - a) Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN của cơ sở do thủ trưởng đơn vị, địa phương phê duyệt và ký kết hợp đồng thực hiện;
  - b) Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bao gồm: đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm.

### **Điều 10. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN**

1. Yêu cầu đối với đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm
  - 1.1. Yêu cầu đối với đề tài KH&CN

a) Trong lĩnh vực KH&CN và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN dự kiến: có triển vọng tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả; được hình thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đối với đề tài trong lĩnh vực khác: sản phẩm KH&CN đảm bảo tính mới, tính tiên tiến hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

### *1.2. Yêu cầu đối với dự án sản xuất thử nghiệm*

a) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng KH&CN chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

### *2. Yêu cầu đối với đề án khoa học*

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

### *3. Yêu cầu đối với dự án KH&CN*

a) Giải quyết vấn đề KH&CN phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh;

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực;

c) Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm;

d) Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

### *4. Yêu cầu đối với chương trình KH&CN*

a) Có mục tiêu tạo ra kết quả KH&CN phục vụ một trong những định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực KH&CN trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh hoặc phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Nội dung bao gồm những nhiệm vụ KH&CN có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực KH&CN trong tỉnh;

c) Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình;

d) Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.

### **Điều 11. Phương thức giao nhiệm vụ KH&CN**

1. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh được giao theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp, xét tài trợ từ Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh.

2. Nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước có thể được thực hiện theo phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp do tổ chức, cá nhân lựa chọn.

### **Điều 12. Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN**

*Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN bao gồm:*

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN;

2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

3. Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án, đề án) mẫu theo hướng dẫn của Bộ KH&CN;

4. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức (nếu có);

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;

6. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có);

7. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực KH&CN, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

8. Đối với dự án: văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vốn vay của tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và tổ chức tham gia dự án);

9. Báo giá thiết bị, nguyên liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 13. Thành lập các Hội đồng tư vấn KH&CN**

1. Các Hội đồng tư vấn KH&CN bao gồm:

a) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN tỉnh;

b) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ từng lĩnh vực khoa học;

c) Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

d) Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

đ) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập và ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở KH&CN ra quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn KH&CN:

- a) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ từng lĩnh vực khoa học;
- b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- c) Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- d) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Đối với chương trình KH&CN hoặc nhiệm vụ KH&CN có thành lập Ban chỉ đạo của tỉnh, các Hội đồng tư vấn KH&CN do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở KH&CN.

4. Hội đồng tư vấn do Giám đốc Sở ra quyết định thành lập có 7 đến 9 thành viên, gồm có Chủ tịch và các thành viên; trong đó có ít nhất là 2 thành viên phản biện. Thành viên Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KH&CN. Cơ cấu Hội đồng gồm có: 2/3 thành viên là các chuyên gia KH&CN có trình độ chuyên môn phù hợp và 1/3 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan hoặc thụ hưởng kết quả nghiên cứu, trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở KH&CN được chỉ định 02 chuyên gia phản biện kín (không nêu danh). Trong cuộc họp Hội đồng, sẽ bầu một thành viên làm thư ký khoa học.

Thư ký hành chính chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng là chuyên viên của Sở KH&CN.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 14. Tổng hợp nhu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN**

1. Định kỳ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, Sở KH&CN thông báo định hướng phát triển KH&CN ưu tiên của tỉnh và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ KH&CN. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện theo mẫu hướng dẫn cụ thể của Sở KH&CN.

2. Sở KH&CN tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ KH&CN của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhiệm vụ KH&CN đặt hàng của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước của tỉnh (nếu có).

#### **Điều 15. Trình tự xác định nhiệm vụ KH&CN**

1. Giám đốc Sở KH&CN thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ từng lĩnh vực khoa học, để tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cho từng lĩnh vực.

2. Trên cơ sở Biên bản kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ từng lĩnh vực khoa học, Sở KH&CN hình thành danh mục nhiệm vụ KH&CN đề xuất đặt hàng để trình thông qua Hội đồng KH&CN tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN tỉnh.

3. Căn cứ Biên bản kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ

tỉnh, Giám đốc Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng thực hiện.

#### **Điều 16. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định nhiệm vụ KH&CN**

##### *1. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định đề tài, dự án*

- a) Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài, dự án trong đề xuất đặt hàng;
- b) Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất;
- c) Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ KH&CN đã và đang thực hiện;
- d) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực KH&CN của tỉnh cho việc thực hiện đề tài, dự án;
- đ) Khả năng huy động được nguồn ngoài ngân sách để thực hiện đối với dự án.

##### *2. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định đề án khoa học*

- a) Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý;
- b) Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng;
- c) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề án khoa học.

##### *3. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định dự án KH&CN*

- a) Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của tỉnh;
- b) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng;
- c) Tính khả thi của dự án KH&CN thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

##### *4. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định chương trình KH&CN*

- a) Tính cấp thiết của việc thực hiện chương trình và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra từ việc thực hiện chương trình;
- b) Mục tiêu của chương trình đối với định hướng phát triển KH&CN 5 năm hoặc 10 năm; hướng phát triển công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh;
- c) Nội dung thực hiện chính và các kết quả tạo ra khi kết thúc chương trình so với các mục tiêu của chương trình;
- d) Thời gian thực hiện và tiến độ phù hợp để triển khai các nội dung của chương trình.

### **Chương III**

## **TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 17. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước**

**1. Nguyên tắc chung:**

a) Tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng;

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn KH&CN (gọi tắt là hội đồng).

**2. Nguyên tắc tuyển chọn:**

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện;

**3. Đối với nhiệm vụ KH&CN được giao trực tiếp phải đáp ứng một trong các trường hợp sau:**

a) Nhiệm vụ KH&CN đột xuất;

b) Nhiệm vụ KH&CN mà chỉ có một tổ chức KH&CN có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện.

Nhiệm vụ KH&CN được giao trực tiếp sau khi có ý kiến của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ và được phê duyệt thực hiện. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ phải có đủ năng lực, điều kiện cơ sở vật chất và chuyên môn phù hợp.

**Điều 18. Hoạt động của Hội đồng tư vấn KH&CN**

1. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền và các ủy viên phản biện. Các ủy viên hội đồng phải có ý kiến nhận xét, đánh giá nhiệm vụ KH&CN bằng văn bản trong mỗi phiên họp.

**2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:**

a) Nghiên cứu tài liệu do Sở KH&CN cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định;

b) Gửi ý kiến nhận xét, đánh giá đã chuẩn bị cho thư ký hành chính của Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng 02 ngày làm việc.

**3. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 5 ngày làm việc trước phiên họp Hội đồng.**

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bằng phiếu kín.

**Điều 19. Trình tự đánh giá hồ sơ nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức tuyển chọn**

1. Sở KH&CN thành lập Hội đồng để xác định đề cương tóm tắt cho từng nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt thực hiện theo phương thức tuyển chọn.

2. Thông báo công khai trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh - Truyền hình, Tạp chí KH&CN, Website của Sở KH&CN, Báo Khoa học và Phát triển về các đề

tài thực hiện theo phương thức tuyển chọn và thời hạn nộp hồ sơ trong 30 ngày làm việc tính từ ngày thông báo (hồ sơ đăng ký tuyển chọn theo quy định tại Điều 12 của quyết định này).

3. Sở KH&CN tiếp nhận Hồ sơ, tổ chức mở Hồ sơ và Hội đồng tiến hành đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày hết hạn nộp Hồ sơ.

4. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, Giám đốc Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển và thông báo kết quả đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

5. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh nội dung thuyết minh, dự toán kinh phí của đề tài theo kiến nghị của Hội đồng tuyển chọn trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn.

#### **Điều 20. Trình tự đánh giá hồ sơ nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức giao trực tiếp**

1. Sở KH&CN thông báo tổ chức, cá nhân được phê duyệt chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo phương thức giao trực tiếp, hướng dẫn xây dựng hồ sơ theo quy định tại điều 12 quyết định này. Thời hạn nộp Hồ sơ là 30 ngày làm việc tính từ ngày thông báo.

2. Giám đốc Sở KH&CN thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN tiến hành đánh giá hồ sơ của nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉnh sửa hồ sơ và gửi Sở KH&CN trong thời hạn 20 ngày làm việc.

4. Giám đốc Sở KH&CN thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN. Thời gian hoàn thành công việc thẩm định chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Tổ thẩm định.

5. Trên cơ sở biên bản đánh giá hồ sơ nhiệm vụ KH&CN, biên bản thẩm định dự toán kinh phí; tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoàn chỉnh hồ sơ và gửi Sở KH&CN trong thời hạn 10 ngày làm việc.

6. Sở KH&CN thực hiện các thủ tục phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo phân cấp được quy định tại Điều 21 của Quyết định này.

7. Khi tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tiến hành hoàn chỉnh hồ sơ không đúng thời hạn theo quy định tại Điều này mà không có lý do chính đáng, Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt không triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN này.

#### **Điều 21. Phân cấp phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Giám đốc Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN có dự toán kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp trên 800 triệu đồng.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt nội dung

thuyết minh và kinh phí thực hiện đối với các nhiệm vụ KH&CN có dự toán kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp từ 800 triệu đồng trở xuống.

3. Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán kinh phí của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc Sở KH&CN là căn cứ pháp lý cho việc ký kết Hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

### **Điều 22. Bổ sung nhiệm vụ KH&CN**

Khi cần thiết và có nhu cầu bổ sung nhiệm vụ KH&CN mới, Giám đốc Sở KH&CN xem xét và trình Chủ tịch UBND tỉnh. Sau khi có ý kiến chấp thuận (bằng văn bản) của Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở KH&CN triển khai thực hiện theo các quy định của quy chế này.

### **Điều 23. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ**

1. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo khối lượng, kết quả, tiến độ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đến Sở KH&CN.

2. Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ quản, Quỹ phát triển KH&CN và sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc, tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí, đề xuất biện pháp xử lý nếu phát hiện có vi phạm.

3. Nội dung kiểm tra, đánh giá

3.1. Nội dung khoa học

a) Nội dung đã hoàn thành;

b) Nội dung đang triển khai;

c) Sản phẩm đã được ứng dụng vào thực tế.

3.2. Tiến độ thực hiện

3.3. Tình hình sử dụng kinh phí

a) Tình hình sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

b) Tình hình sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

3.4. Các nội dung khác (nếu có).

## **Chương IV**

### **ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU, LƯU TRỮ VÀ ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 24. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN**

1. Việc đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN được tiến hành theo 2 bước: tự đánh giá (đánh giá kết quả ở cấp cơ sở) và đánh giá kết quả ở cấp quản lý (cấp tỉnh).

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm thành lập hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ cho Sở KH&CN để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

#### **Điều 25. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đánh giá cấp cơ sở)**

1. Hồ sơ đánh giá gồm:
  - a) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ;
  - b) Báo cáo về sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ;
  - c) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ;
  - d) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);
  - đ) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ;
  - e) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.
2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá cấp cơ sở, tổ chức chủ trì tiến hành kiểm tra, đảm bảo hồ sơ đủ điều kiện để đưa vào đánh giá, nghiệm thu; Thủ trưởng tổ chức chủ trì ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở).
3. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có 7 đến 9 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 ủy viên thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Ủy viên Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở là những cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có năng lực, uy tín, am hiểu lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ và không có tên trong danh sách những người tham gia thực hiện nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 02 ủy viên Hội đồng là người ngoài của tổ chức chủ trì.
4. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở xem xét nội dung, khối lượng sản phẩm, phương pháp nghiên cứu, các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học, kết quả nghiên cứu, mức độ hoàn thành so với nội dung thuyết minh đề tài và Hợp đồng để đánh giá theo 2 mức: “đạt” hoặc “không đạt”. Đề tài được đánh giá ở mức “đạt” là cơ sở để đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.
5. Trong trường hợp đề tài xếp loại “không đạt” Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở nêu rõ lý do và đề nghị đề tài được tiếp tục hoàn thiện hoặc phải đình chỉ thực hiện tùy thuộc vào các lý do sau:
  - a) Do không bảo đảm khối lượng, chất lượng nghiên cứu được đề nghị tiếp tục hoàn thiện, chủ nhiệm đề tài phải bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ của đề tài theo ý kiến của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và làm lại thủ tục đánh giá cấp cơ sở trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở. Trường hợp không bảo đảm thời hạn trên, tổ chức chủ trì phải có văn bản đề nghị Sở KH&CN xem xét, quyết định việc gia hạn, thời gian gia hạn để hoàn thiện sản phẩm của đề tài tối đa là 60 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở;
  - b) Do hồ sơ, tài liệu không trung thực, sao chép kết quả nghiên cứu của người khác hoặc làm trái các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì có trách nhiệm xem xét và có văn bản đề nghị Sở KH&CN đình chỉ thực hiện;
  - c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức chủ trì, Sở KH&CN có trách nhiệm xem xét, quyết định gia hạn thời gian thực hiện hoặc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ.
6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản của Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá theo kiến nghị của Hội đồng đánh giá cơ sở và gửi hồ sơ đã hoàn chỉnh cho Sở KH&CN.

## **Điều 26. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN**

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN, bao gồm:

- a) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN của đơn vị chủ trì nhiệm vụ;
- b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã được chỉnh sửa sau khi có ý kiến góp ý của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở);
- c) Báo cáo về sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ;
- d) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);
- đ) Các số liệu gốc (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ;
- e) Báo cáo quyết toán kinh phí của nhiệm vụ;
- f) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- g) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng.

3. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở KH&CN, gồm 10 bộ hồ sơ có dấu và chữ ký trực tiếp của cơ quan chủ trì nhiệm vụ và chữ ký của chủ nhiệm nhiệm vụ.

4. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở KH&CN thông báo cho cơ quan chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị nghiệm thu. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở KH&CN.

## **Điều 27. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thành lập trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có từ 7 đến 9 thành viên, gồm Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác, trong đó:

a) 2/3 thành viên là chuyên gia KH&CN được lấy từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Sở KH&CN, 1/3 thành viên đại diện cho cơ quan quản lý, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng;

b) Thành viên là chuyên gia KH&CN quy định tại điểm a Khoản này làm việc tại tổ chức chủ trì có thể tham gia hội đồng nhưng không được làm chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học.

3. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con ruột, con nuôi, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, bao gồm cả bên vợ (chồng).

4. Giám đốc Sở KH&CN được thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ.

5. Tổ chuyên gia có 04 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng, trong đó có một tổ trưởng.

## **Điều 28. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ**

### **1. Nội dung đánh giá**

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp ( phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng,...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

### **2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:**

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô- gic khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp các vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

### **3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ:**

a) Đối với sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN có các thông số kỹ thuật đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính), thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ phải được một Tổ chuyên gia thẩm định trước khi Hội đồng KH&CN chuyên ngành tư vấn nghiệm thu cấp tỉnh hợp đánh giá. Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập Tổ chuyên gia;

b) Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng, phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ; bản đồ; số liệu; cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế- kỹ thuật; báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng tư vấn KH&CN hoặc tổ chuyên gia do Sở KH&CN quyết định thành lập;

c) Đối với sản phẩm là kết quả đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

4. Trên cơ sở xem xét nội dung báo cáo tổng hợp; số lượng, chủng loại, khối lượng, chất lượng sản phẩm ; phương pháp nghiên cứu; các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ ; mức độ hoàn thành báo cáo và tài liệu so với nội dung thuyết minh và Hợp đồng, Hội đồng tư vấn KH&CN nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá theo phương pháp bỏ phiếu xếp loại theo 4 mức sau: “Xuất sắc”; “Khá”; “Đạt” và “Không đạt”.

5. Nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc Hợp đồng từ 90 ngày làm việc trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở KH&CN thì không được đánh giá xếp loại theo mức “Xuất sắc”.

6. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng tư vấn KH&CN nghiệm thu cấp tỉnh, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến đóng góp của Hội đồng và nộp sản phẩm, tài liệu cho Sở KH&CN để xem xét công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

7. Riêng nhiệm vụ đánh giá xếp loại “không đạt” Hội đồng có thể kiến nghị cho nghiệm thu lại hoặc không. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, Sở KH&CN xem xét, quyết định việc gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện và làm lại thủ tục đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh trên cơ sở kiến nghị cho nghiệm thu lại của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh. Thời gian gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện đề tài, dự án tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng.

8. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá mức “Đạt” trở lên, trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng. Sở KH&CN phối hợp với Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, giám sát việc thực hiện hồ sơ đánh giá nhiệm vụ. Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện Báo cáo tổng hợp của chủ nhiệm nhiệm vụ.

#### **Điều 29. Đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN**

Tổ chức chủ trì thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ tại Sở KH&CN theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

#### **Điều 30. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- a) Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu;
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- c) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 điều này, Giám đốc Sở KH&CN quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Trường hợp không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ thì bị xử phạt về vi phạm hành chính trong lĩnh vực KH&CN và các quy định pháp luật liên quan khác.

#### **Điều 31. Ứng dụng, triển khai kết quả nghiên cứu KH&CN**

Cơ quan đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở KH&CN.

**Điều 32. Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước tỉnh thì đại diện chủ sở hữu nhà nước là chủ tịch UBND tỉnh.

2. UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở KH&CN xét giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thể sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như quy định khoản 2 Điều này thì đại diện chủ sở hữu nhà nước quyết định giao quyền sử dụng đó cho tổ chức khác có khả năng sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Chương V**  
**LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN**  
**KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**Điều 33. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN**

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi quy định của nhà nước tỉnh, Sở KH&CN hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương xây dựng dự toán kinh phí chi đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của các nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của địa phương, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 34. Phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ**

1. Nhiệm vụ KH&CN ( gọi tắt là nhiệm vụ) được khoán chi theo một trong hai phương thức sau:

- a) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng;
- b) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần.

2. Điều kiện được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần được quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của liên bộ Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

**Điều 35. Xây dựng thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ xây dựng thuyết minh và dự toán

kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định của Bộ KH&CN và quy định cụ thể của UBND tỉnh đối với mẫu thuyết minh, dự toán nhiệm vụ cấp tỉnh, cơ sở; trong đó: mô tả các sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ, nội dung của các phần công việc, căn cứ để xây dựng dự toán thực hiện các phần công việc (các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi theo quy định hiện hành; thuyết minh chi tiết nội dung công việc chưa có định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức chi); đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần, trong đó xác định rõ công việc khoán, công việc không khoán.

2. Nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở được xây dựng dự toán kinh phí theo định mức quy định tại văn bản pháp luật hiện hành của tỉnh.

### **Điều 36. Căn cứ và yêu cầu khi lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ**

#### **1. Căn cứ**

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán do UBND tỉnh ban hành và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế- kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

#### **2. Yêu cầu**

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN;

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 37. Thẩm định dự toán**

1. UBND tỉnh giao Sở KH&CN chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế- kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí có 06 thành viên, trong đó:

- a) Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo Quỹ phát triển KH&CN tỉnh;
- b) Một thành viên là lãnh đạo phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở KH&CN;
- c) Một thành viên đại diện Sở Tài chính;
- d) Một thành viên là chuyên gia phản biện của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ nhiệm vụ KH&CN;
- đ) Một thành viên đại diện Phòng quản lý Khoa học của Sở KH&CN;
- e) Một thành viên thư ký thuộc Quỹ phát triển KH&CN tỉnh.

### **Điều 38. Phê duyệt nhiệm vụ và ký kết hợp đồng thực hiện**

1. Trên cơ sở Biên bản của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ, kết quả thẩm định dự toán và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), cơ quan

có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, nội dung, tổng mức kinh phí, phương thức khoán (khoán chỉ đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chỉ từng phần), mức kinh phí khoán, thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở KH&CN ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt thực hiện.

### **Điều 39. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh (gọi tắt là Quỹ Phát triển KH&CN) thực hiện cấp kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (giao cho tỉnh trực tiếp quản lý), các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Căn cứ trên Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Đề án khoa học, Đề tài KH&CN, Dự án KH&CN, Dự án sản xuất thử nghiệm), Sở Tài chính chuyển kinh phí dự toán cho đơn vị quản lý kinh phí là Quỹ Phát triển KH&CN theo tài khoản dự toán của Quỹ Phát triển KH&CN đã được mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Quỹ Phát triển KH&CN chuyển kinh phí thực hiện nhiệm vụ vào tài khoản tiền gửi khác đã được mở tại Kho bạc Nhà nước của tổ chức chủ trì nhiệm vụ. Việc cấp kinh phí phải căn cứ vào Hợp đồng đã ký kết và phù hợp tiến độ của hợp đồng.

4. Hàng năm, Quỹ phát triển KH&CN thực hiện tổng hợp số liệu kinh phí đã nhận, đã cấp, đã quyết toán và báo cáo cho UBND tỉnh và các đơn vị liên quan theo quy định.

5. Trích 5% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN của đơn vị, doanh nghiệp gửi vào Quỹ phát triển KH&CN để ứng dụng, triển khai kết quả các đề tài, dự án vào thực tiễn và để hỗ trợ các đề tài, dự án khác.

### **Điều 40. Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Việc sử dụng kinh phí được giao khoán, không được giao khoán trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT- BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

2. Việc mở tài khoản, nguyên tắc triển khai, kiểm soát thanh toán, thanh toán và tạm ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT- BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Liên Bộ KH&CN và Bộ Tài chính Quy định khoán chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ với Quỹ Phát triển KH&CN; Quỹ Phát triển KH&CN chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN với Kho bạc nhà nước và chịu sự kiểm tra, giám sát theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 41. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện**

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định và có văn bản báo cáo với Sở KH&CN và Quỹ Phát triển KH&CN.

2. UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì và tờ trình đề nghị của Sở KH&CN.

#### **Điều 42. Chi phí phát sinh**

1. Những chi phí phát sinh để hoàn thiện sản phẩm và tài liệu của nhiệm vụ KH&CN theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cơ sở do thực hiện chưa đúng với nội dung và yêu cầu đã ghi trong Hợp đồng do tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN tự trang trải.

2. Những chi phí kiểm định, đo đạc lại các thông số kỹ thuật và những chi phí phát sinh liên quan đến đánh giá của Hội đồng tư vấn nghiệm thu và Tổ chuyên gia được bổ sung từ ngân sách sự nghiệp KH&CN hàng năm của tỉnh sau khi có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

#### **Điều 43. Xử lý tài chính trong trường hợp đình chỉ và chấm dứt Hợp đồng thực hiện đề tài**

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN chưa triển khai thì không cấp kinh phí và thông báo hủy Hợp đồng. Các chi phí cho Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ được thanh toán trong nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm phân bổ cho Sở KH&CN.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã triển khai thực hiện thì thành lập Hội đồng liên ngành xác định trách nhiệm của mỗi bên và thẩm tra số kinh phí thực hiện chi hợp lý theo đúng với nội dung thuyết minh được phê duyệt thì được thanh quyết toán; số kinh phí chi sai mục đích phải xuất toán; thu hồi số kinh phí đã cấp còn lại. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có trách nhiệm nộp số kinh phí bị xuất toán và kinh phí còn lại vào ngân sách Nhà nước.

#### **Điều 44. Quyết toán kinh phí và thanh lý Hợp đồng**

1. Công tác báo cáo, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn cụ thể sau:

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện trong nhiều năm, tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Quỹ phát triển KH&CN về số kinh phí thực nhận và thực chi trong năm để Quỹ phát triển KH&CN tổng hợp số kinh phí thực nhận, thực chi của nhiệm vụ vào quyết toán của đơn vị theo niên độ ngân sách;

b) Quyết toán nhiệm vụ được thực hiện không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ và hợp đồng đã ký kết. Trong thời gian quyết toán nhiệm vụ, trường hợp kết thúc năm ngân sách, số dư kinh phí được chuyển sang năm sau để thực hiện quyết toán;

c) Căn cứ để xét duyệt quyết toán là hồ sơ, chứng từ lưu giữ tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở KH&CN tiến hành thanh lý Hợp đồng chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được Giám đốc Sở KH&CN quyết định công nhận kết quả, đã thực hiện giao nộp sản phẩm, đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN và hoàn thành thủ tục quyết toán tài chính của nhiệm vụ KH&CN.

**Điều 45. Quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.**

Quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 của liên bộ Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

## **Chương VI TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

### **Điều 46. Trách nhiệm của Sở KH&CN**

1. UBND tỉnh giao Giám đốc Sở KH&CN xây dựng và ban hành phương thức và quy trình làm việc của các Hội đồng tư vấn KH&CN, xây dựng các biểu mẫu hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ KH&CN, biểu mẫu đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN và các mẫu phiếu đánh giá, biên bản khác.

2. Ký kết Hợp đồng với tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định của Bộ KH&CN để tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Xem xét điều chỉnh hợp đồng (trên cơ sở đề xuất của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN) các nội dung sau:

a) Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì; việc điều chỉnh thời gian thực hiện không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng;

b) Dự toán kinh phí được phê duyệt đối với các nội dung chi không được giao khoán trong phạm vi tổng dự toán được phê duyệt thực hiện.

4. Trình Chủ tịch UBND tỉnh đình chỉ và chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Nhiệm vụ KH&CN khi thực hiện gặp các yếu tố khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể hoàn thành;

b) Vi phạm Hợp đồng: Các điều kiện theo Hợp đồng không được đảm bảo dẫn đến nhiệm vụ KH&CN không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ KH&CN thực hiện không đạt được mục tiêu, không đúng nội dung theo Hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích;

c) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN không đủ năng lực tổ chức quản lý, hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.

5. Hướng dẫn các sở ngành, các tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN đề xuất nhiệm vụ KH&CN. Tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt.

6. Tổ chức hướng dẫn thực hiện thống nhất các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

7. Tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh, dự toán, ký kết Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng theo các quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật.

8. Kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện, khối lượng công việc hoàn thành và sử dụng kinh phí.

9. Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN. Báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) và đột xuất cho Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ KH&CN về tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN triển khai trên địa bàn tỉnh.

10. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước (thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ). Kinh phí tổ chức đánh giá, nghiệm thu được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm của tỉnh.

11. Phối hợp với Quỹ phát triển KH&CN trong việc cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN; xử lý, thu hồi kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN không tiếp tục thực hiện, dừng thực hiện do vi phạm hợp đồng.

12. Chủ trì, phối hợp với các sở ngành trong việc đề xuất khen thưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 47. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Tổ chức triển khai thực hiện, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy chế này.

2. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại quy chế này.

3. Chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi được giao khoán trong phạm vi tổng dự toán được phê duyệt thực hiện và phải báo cáo với Sở KH&CN, cơ quan quản lý tài chính.

4. Thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở. Nộp kinh phí thu hồi (nếu có) cho cơ quan quản lý đề tài.

5. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

6. Cùng với chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ cho sở KH&CN trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

#### **Điều 48. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ**

1. Xây dựng, trình duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí, tổ chức

thực hiện nhiệm vụ theo nội dung đã được phê duyệt. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu về kết quả thực hiện.

2. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm KH&CN và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

3. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật.

4. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất và chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết KH&CN và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký.

**Điều 49. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, độc lập, trung thực, khách quan và khoa học của hoạt động tư vấn.

2. Chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

3. Giữ bí mật các thông tin nhận được trong quá trình hoạt động tư vấn, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định, thỏa thuận.

**Điều 50. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia**

1. Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm KH&CN (Mẫu sản phẩm, mô hình, bản vẽ thiết kế, các văn bản đo đạc) theo biểu mẫu quy định.

2. Khảo sát hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết).

3. Lập báo cáo thẩm định sản phẩm theo mẫu quy định và gửi cho Sở KH&CN ít nhất 03 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng.

**Điều 51. Trách nhiệm của Quỹ phát triển KH&CN**

1. Cấp phát kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã ký kết.

2. Thực hiện quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phối hợp với Sở KH&CN giải quyết những tồn tại phát sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

**Điều 52. Trách nhiệm của các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Thủ trưởng các Sở ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo gắn các nhiệm vụ thuộc chương trình KH&CN cấp Nhà nước, cấp tỉnh với nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm của sở ngành, huyện mình; chỉ đạo việc nhân rộng kết quả nghiên cứu của đơn vị trực thuộc vào sản xuất và đời sống.

2. Tổng hợp và báo cáo kết quả ứng dụng các tiến bộ KH&CN từ các nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu và chuyển giao.

3. Phối hợp với Sở KH&CN trong việc đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì là đơn vị trực thuộc.

4. Thành lập Hội đồng KH&CN của sở, ngành, huyện để xem xét các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị trực thuộc đề xuất thực hiện ở cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước và có văn bản tổng hợp gửi Sở KH&CN.

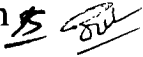
## Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 53. Trách nhiệm thi hành

1. Sở KH&CN chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở KH&CN) để xem xét, giải quyết.

### Điều 54. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã phê duyệt trước năm 2016, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 02/8/2007 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



  
Trần Châu